



NGHỊ QUYẾT

V/v Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam (PV Gas South);
- Xét đề nghị của Ông Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 239/TTr-KMN và ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty PV Gas South,

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2018
1	2	3	4
I	Chỉ tiêu sản lượng		
1	Khí hóa lỏng LPG	Tấn	296.955
-	LPG dân dụng	Tấn	196.955
-	LPG công nghiệp	Tấn	100.000
2	Khí nén CNG	M³	125.000.000
3	Sản lượng xăng dầu	Lít	4.000.000
4	Sản lượng vỏ bình		
-	Sản xuất mới	Vỏ bình	370.000
-	Bảo dưỡng sửa chữa	Vỏ bình	300.000



II	Chỉ tiêu tài chính		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.927
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	136
3	Nộp NSNN	Tỷ đồng	74
4	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	15
III	Đầu tư và xây dựng (Chi tiết như phụ lục 1 kèm theo)		
1	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	308.70
-	Đầu tư xây dựng cơ bản	-	298.70
-	Mua sắm trang thiết bị		10.0
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	308.70
	Vốn chủ sở hữu	-	99.60
	Vốn vay và khác	-	209.10

Điều 2. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo các Phòng, đơn vị trực thuộc của Công ty tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo theo nội dung được chấp thuận tại Điều 1, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các Phòng/Đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Tấn



Phụ lục 1: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2018 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-KMNN ngày 14 tháng 03 năm 2018)

TT	Tên dự án	Thời gian		Đơn vị tính	Số quyết định	Ngày tháng duyet	Cơ quan duyet	Tổng mức đầu tư/dự toán được duyệt				Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu dự án đến				Kế hoạch năm 2018				Mục tiêu/Công việc thực hiện
		KC	HT					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Giá trị thực hiện đầu tư	Tổng số	Trong đó			
									Vốn CSH	Vốn vay+khác	Tổng số		Vốn vay+khá c	Vốn vay+khá c			Vốn CSH	Vốn vay+khá c		
TỔNG SỐ				Tỷ đồng				514,4	161,3	353,1	69,2	20,7	48,4	389,1	308,7	99,6	209,1			
DỰ ÁN NHÓM C				Tỷ đồng				504,4	151,3	353,1	69,2	20,7	48,4	379,1	298,7	89,6	209,1			
I DỰ ÁN ĐÀ HOÀN THÀNH				Tỷ đồng				100,0	30,0	70,0	68,2	20,4	47,7	-	31,9	9,6	22,3			
1	Nâng cấp trạm nén CNG Mỹ Xuân	QIII/2017	QIV/2017	Tỷ đồng	296/QĐ-KMN	14/06/2017	KMN	32,0	9,6	22,4	16,0	4,8	11,2	-	16,0	4,8	11,2	Hoàn thành thanh quyết toán		
2	Nâng cấp trạm nén CNG Hiệp Phước	QIII/2017	QIV/2017	Tỷ đồng	424/QĐ-KMN	09/07/2017	KMN	28,0	8,4	19,6	14,0	4,2	9,8		14,0	4,2	9,8	Hoàn thành thanh quyết toán		
3	Nâng cấp dây chuyền sơn sửa bình gas của nhà máy BKDK	QIII/2017	QIV/2017	Tỷ đồng	171/QĐ-KMN	10/04/2017	KMN	25,0	7,5	17,5	23,7	7,1	16,6		1,3	0,4	0,9	Hoàn thành thanh quyết toán		
4	Di dời trạm chiết LPG Đai Dò - Bà Rịa Vũng Tàu ra Bình Thuận	QIII/2017	QIV/2017	Tỷ đồng	105/QĐ-KMN	17/03/2017	KMN	15,0	4,5	10,5	14,5	4,4	10,2		0,5	0,2	0,4	Hoàn thành thanh quyết toán		
II DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI				Tỷ đồng				404,4	121,3	283,1	1,0	0,3	0,7	379,1	266,8	80,0	186,8			
1	Di dời kho và trạm chiết LPG của VT Gas tại cảng Đông Nai	QIII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	98,0	29,4	68,6	1,0	0,3	0,7	90,0	35,0	10,5	24,5	Hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng		
2	Di dời và nâng cấp dây chuyền sơn sửa bình gas chi nhánh Miền Tây (Di dời sang vị trí kho đạm Trà Nóc)	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	20,0	6,0	14,0				18,0	9,0	2,7	6,3	Hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng		
3	Nâng cấp trạm chiết LPG Bình Phước	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	12,0	3,6	8,4				10,0	8,0	2,4	5,6	Hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng		
4	Di dời trạm chiết LPG Tây Ninh (di dời từ khu dân cư hiện hữu vào khu công nghiệp, đầu tư dân chiết nạp tự động)	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	24,0	7,2	16,8				20,0	10,0	3,0	7,0	Hoàn thành dự án, đưa vào sử dụng		
5	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, di dời các kho, trạm cho toàn PVGas South	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	35,0	10,5	24,5				35,0	21,0	6,3	14,7	Thực hiện theo nhu cầu thực tế		
6	Cải tạo mở rộng hệ thống CNG cho 02 khách hàng hiện hữu (Nam Kim 3 và Vina One)	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	23,1	6,9	16,2				23,1	23,1	6,9	16,2			
7	Đường ống, thiết bị cấp CNG cho 03 khách hàng mới (Thệp Việt Thành, dệt nhuộm Yu Yang, Zahomero VN)	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	15,0	4,5	10,5				15,0	15,0	4,5	10,5			
8	Trạm cấp khí CNG cho 03 khách hàng mới (Tân Á Đại Thành, Terra Pak VN, thủy tinh Cẩm Đạt)	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	33,2	10,0	23,2				33,2	33,2	10,0	23,2			
9	Trạm cấp CNG trung tâm tại Long Giang	QIII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	21,1	6,3	14,8				24,1	24,1	7,2	16,9	Thực hiện theo nhu cầu thực tế		
10	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe quận 8	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	22,0	6,6	15,4				19,8	15,8	4,7	11,1			
11	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe Tân Phú	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	22,0	6,6	15,4				19,8	15,8	4,7	11,1			
12	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải công viên 23/09	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	22,0	6,6	15,4				19,8	15,8	4,7	11,1			
13	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe Chợ Lớn	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	35,0	10,5	24,5				31,5	25,2	7,6	17,6			
14	Trạm cấp CNG cho giao thông vận tải bến xe Củ Chi	QII/2018	QIV/2018	Tỷ đồng			KMN	22,0	6,6	15,4				19,8	15,8	4,7	11,1			

223
KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM

TT	Tên dự án	Thời gian		Đơn vị tính	Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng số	Trong đó		Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu dự án đến	Trong đó		Giá trị thực hiện đầu tư	Giá trị giải ngân		Mục tiêu/Công việc thực hiện	
		KC	HT						Vốn CSH	Vốn vay+khác		Tổng số	Vốn CSH		Vốn vay+khác	Tổng số		Vốn CSH
B	MUA SÀM TRANG THIẾT BỊ			Tỷ đồng				10,0	10,0		-	-		10,0	10,0	10,0		
1	Trang thiết bị phục vụ SXKD của PV Gas South và các chi nhánh (cần nạp LPG, máy phát điện, máy biến áp, bơm cứu hỏa, máy bán bi, xe tải...)		QIV/2018	Tỷ đồng				9,0	9,0					9,0	9,0	9,0		Thực hiện theo nhu cầu thực tế
2	Trang thiết bị văn phòng khác (máy vi tính, máy photo...)		QIV/2018	Tỷ đồng				1,0	1,0					1,0	1,0	1,0		Thực hiện theo nhu cầu thực tế

